

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/DS-ST

Ngày 13-3-2026

V/v “tranh chấp tiền nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về “tranh chấp về tiền nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1985. Căn cước công dân: 092185013629.

Địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mỹ O, sinh năm 1980. Căn cước công dân: 092180014302.

Địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường N, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2025).

2. *Bị đơn:* Bà Thái Thị T, sinh năm 1976. Căn cước công dân: 094176001716.

Địa chỉ: Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Huỳnh Ngọc D trình bày: Thông qua quen biết, bà tham gia chơi hụi do bà Thái Thị T làm chủ hụi. Dây hụi mở ngày 06/11/2022, giá 2.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, khai

mỗi tháng 01 lần. Ban đầu, bà D tham gia 02 phần hội và đã đóng hội được 06 kỳ. Tại kỳ hội thứ 06, bà D mua thêm 02 phần hội của bà Võ Thị Thu K với giá 17.500.000 đồng, tổng số hội bà D tham gia là 04 phần.

Quá trình tham gia hội, bà D thực hiện việc đóng hội đầy đủ bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng TMCP N (V) của bà O qua tài khoản Ngân hàng TMCP C (V1) của bà T 105875735189 và 02 lần tiền mặt. Đến kỳ thứ 10 (ngày 21/8/2023), bà D hót 01 phần hội với số tiền thực nhận là 33.500.000 đồng. Sau khi hót hội, bà tiếp tục đóng hội cho 03 phần còn lại (gồm 03 phần hội sống và 01 phần hội chết) cho đến kỳ thứ 21 (ngày 11/7/2024) với tổng số tiền 70.000.000 đồng. Dây hội đã kết thúc nhưng bà T lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hội nên bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền hội sống 03 phần với tiền 70.000.000 đồng và trả lãi 20%/năm tính từ ngày 11/7/2024 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Thái Thị T: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết kết hợp với đăng tin tại địa chỉ cư trú của bà T nhưng bà vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được lời khai, ý kiến của bà về việc khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa, sau khi kiểm tra đối chiếu tiền góp hội chuyển khoản ngân hàng thì bà D (có đại diện ủy quyền) điều chỉnh, bổ sung số tiền góp hội ở kỳ thứ 19 và 20 mỗi kỳ góp 5.000.000 đồng chứ không phải 3.000.000 đồng và 3.600.000 đồng. Tổng tiền nợ hội là 71.040.000 đồng trừ 03 lần góp hội chết 6.000.000 đồng, số tiền bà T còn nợ là 65.040.000 đồng. Điều chỉnh mức lãi suất yêu cầu 20%/năm xuống còn 10%/năm tính từ ngày 11/7/2024 đến ngày 13/3/2026.

Bà T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Sao kê của Ngân hàng thể hiện hàng tháng bà D góp hội cho bà T bằng chuyển khoản, nội dung chuyển khoản đều ghi rõ “đóng tiền hội tháng/kỳ...” nhưng không có khoản tiền nào từ bà T chuyển ngược lại cho bà D. Điều này chứng tỏ bà D có chơi hội, góp hội đầy đủ cho bà T nhưng bà T vi phạm không giao tiền hội cho bà là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, trả lãi được quy định tại Điều 353, Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chi phí đăng tin tìm kiếm, án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả kiểm tra, đối chiếu các bản Sao kê tài khoản ngân hàng xác định bà D, bà T tranh chấp với nhau về hợp đồng góp hội. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a

Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự. Bà **T** được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bà. Tại phiên tòa, bà **D** điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tiền nợ hui, tiền lãi là tự nguyện, vẫn nằm trong các phần hui mà bà tham gia nên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với các tập Sao kê, Sổ phụ kiêm Phiếu báo theo dõi Nợ/Có của Ngân hàng có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận sửa đổi, bổ sung này.

[2] Về quá trình tham gia chơi hui: Căn cứ vào các tập Sao kê, Sổ phụ kiêm Phiếu báo theo dõi Nợ/Có của Ngân hàng và lời trình bày của bà **D**, có cơ sở xác định bà **D** đã tham gia chơi hui do bà **T** làm chủ, loại hui 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 04 phần. Trong quá trình chơi hui, bà **D** đã góp hui nhiều kỳ, đã hót 01 phần và tiếp tục góp 03 phần hui sống đến kỳ thứ 21 (ngày 11/7/2024) thì bà **T** ngừng không trả tiền hui bà **D** đã đóng. Sau khi điều chỉnh đối khớp với số tiền bà **D** chuyển khoản qua ngân hàng hàng tháng cho bà **T** đều thể hiện nội dung đóng hui theo kỳ với tổng số tiền 65.040.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Bà **T** là chủ hui đã thu tiền hui của hui viên thì đồng thời cũng phải có nghĩa vụ giao tiền hui cho hui viên đúng thỏa thuận, đúng quy định pháp luật nhưng bà không thực hiện là vi phạm. Căn cứ các Điều 353, 357 và 468 Bộ luật Dân sự thì bà **T** phải thanh toán cho bà **D** tiền hui còn nợ 65.040.000 đồng và chịu lãi đối với số tiền trên. Đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 11/7/2024 đến ngày 13/3/2026 là 10.861.000 đồng (làm tròn) không vượt quá và phù hợp mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà **T** phải trả cho bà **D** là 75.901.000 đồng (làm tròn). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà **T** chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng, án phí: Ghi nhận bà **D** tự nguyện chịu chi phí đăng tin tìm kiếm. Bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện 75.901.000 đồng là 3.795.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà **D** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo Biên lai số 0013038, 0013042, 0013044 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 188, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 353, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Huỳnh Ngọc D.**

Buộc bà **Thái Thị T** phải trả cho bà **Hồ Huỳnh Ngọc D** tổng số tiền nợ hui 75.901.000 đồng (gồm: tiền hui 65.040.000 đồng và tiền lãi 10.861.000 đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà **T** chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bà **Hồ Huỳnh Ngọc D** tự nguyện chịu chi phí đăng tin tìm kiếm. Bà **Thái Thị T** phải chịu 3.795.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Hồ Huỳnh Ngọc D** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng theo Biên lai số 0013038, 0013042, 0013044 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV3-Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- P. THADS KV3-Cần Thơ
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn